

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Hải Dương, học kỳ I, năm học 2023-2024

Nằm trong kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng hàng năm, học kỳ I năm học 2023-2024, Trường đã tiến hành tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và chất lượng đào tạo của Trường.

Quá trình khảo sát được thực hiện cụ thể như sau:

1. Tổ chức thực hiện

1.1. Đối tượng tham gia khảo sát

Đối tượng tham gia khảo sát là toàn bộ sinh viên các khóa K10, K11; K12, K13; K44 GDMN của Trường Đại học Hải Dương, thực hiện vào tháng 04 năm 2024.

1.2. Nội dung và công cụ khảo sát

Phiếu khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên bao gồm 5 tiêu chuẩn với 22 tiêu chí và 1 câu hỏi mở, là những ý kiến đóng góp khác của người học để giúp hoạt động giảng dạy đạt kết quả tốt hơn.

STT	Nhóm tiêu chí	Số câu hỏi	Câu số
1	A. Thông tin môn học	5	1-5
2	B. Phương pháp giảng dạy	7	6-12
3	C. Nội dung giảng dạy	4	13-16
4	D. Kiểm tra đánh giá	2	17-18
5	E. Tác phong sư phạm	4	19-22

Các ý kiến được đánh giá theo thang điểm Likert gồm 5 mức độ:

1	2	3	4	5
Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý

Số liệu được thu thập thông qua hình thức khảo sát trực tiếp các lớp sinh viên

1.3. Các bước thực hiện

Phòng Bảo đảm chất lượng – Thanh tra xây dựng Kế hoạch triển khai tới các lớp và phối hợp với Phòng Công tác sinh viên – Việc làm đã trực tiếp lấy ý kiến phản hồi của sinh trên lớp. Phòng đã tổng hợp xử lý, tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên theo nội dung cần đánh giá của phiếu trưng cầu ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Tổng hợp kết quả lấy ý kiến phản hồi gồm:

- Tổng hợp ý kiến phản hồi đối với từng giảng viên.
- Thống kê ý kiến phản hồi theo từng Khoa.
- Thống kê ý kiến phản hồi của toàn Trường.



- Báo cáo tổng kết về việc lấy ý kiến phản hồi của người học trong học kỳ I năm học 2023-2024.

2. Kết quả ý kiến phản hồi của sinh viên

2.1. Đánh giá chung về khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên

Chương trình thực hiện lấy ý kiến phản hồi của sinh viên được thực hiện trực tiếp, toàn bộ dữ liệu thu về đều phục vụ cho việc đánh giá và không có dữ liệu bị lỗi. Số phiếu dữ liệu thu về là 3292 lượt phản hồi của sinh viên tham gia đánh giá cho 75 giảng viên trong trường.

Bảng 1: Kết quả khảo sát toàn trường theo các tiêu chí đối với khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm TB (Đồng ý và Hoàn toàn đồng ý)
	A. Thông tin môn học	
1	Giảng viên (GV) phổ biến đầy đủ mục đích, yêu cầu học phần cho sinh viên (SV)	4.65
2	GV giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết học phần (HP).	4.65
3	GV thông báo nội dung, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần rõ ràng.	4.65
4	Cấu trúc bài giảng được thiết kế có hệ thống và logic.	4.58
5	GV hướng dẫn phương pháp tự học và hướng dẫn nghiên cứu tài liệu.	4.58
6	GV khuyến khích SV sáng tạo và có tư duy độc lập.	4.55
	B. Phương pháp giảng dạy	
7	GV có phương pháp truyền đạt nội dung học phần rõ ràng, dễ hiểu.	4.57
8	GV có biện pháp phát huy sự chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề của SV.	4.56
9	GV giúp tăng khả năng làm việc nhóm cho SV.	4.52
10	GV sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiệu quả.	4.61
11	GV giải đáp thắc mắc của SV về kiến thức của học phần đầy đủ, thỏa đáng.	4.58
12	GV quan tâm khuyến khích và hướng dẫn SV rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp.	4.56
	C. Nội dung giảng dạy	
13	GV truyền đạt nội dung của học phần đầy đủ.	4.68
14	Nội dung giảng dạy bám sát đề cương chi tiết học phần.	4.63
15	GV có sự liên hệ giữa lý thuyết về thực tiễn trong quá trình giảng dạy.	4.61
16	GV thường xuyên cập nhật liên tục về nội dung, thông tin và kiến thức mới.	4.61
	D. Kiểm tra đánh giá	
17	GV tổ chức kiểm tra, đánh giá khách quan, công bằng.	4.62
18	Kết quả kiểm tra, đánh giá đúng thực chất năng lực học tập, rèn luyện của SV.	4.62
	E. Tác phong sư phạm	
19	GV thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy.	4.70
20	GV có trang phục và phong cách lịch sự.	4.71
21	GV có khả năng quản lý và tổ chức các hoạt động của SV.	4.66
22	GV có thái độ tôn trọng và ứng xử đúng mực với sinh viên.	4.69

Điểm trung bình toàn trường 4.62

Căn cứ vào kết quả khảo sát, tất cả các tiêu chí được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên đạt từ 4.52 đến 4.71. Trong đó, Nhóm tiêu chí “Tác phong sư phạm” được đánh giá cao nhất, các tiêu chí “GV thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy” (4.70) “GV có trang phục và phong cách lịch

sự” (4.71) được đánh giá cao nhất. Thấp nhất các tiêu chí nằm trong nhóm tiêu chí “Phương pháp giảng dạy và Thông tin môn học” các tiêu chí này chưa được sinh viên đánh giá cao, cho thấy công tác chuẩn bị giảng dạy, hướng dẫn sinh viên tự học chưa được giảng viên quan tâm nhiều. Phương pháp giảng dạy cũng cần được quan tâm hơn. Các tiêu chí sinh viên đánh giá thấp là các tiêu chí “GV giúp tăng khả năng làm việc nhóm cho SV” (4.52), “GV có biện pháp phát huy sự chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề của SV”(4.56); “GV khuyến khích SV sáng tạo và có tư duy độc lập.” (4.55); “GV hướng dẫn phương pháp tự học và hướng dẫn nghiên cứu tài liệu” (4.58). “Cấu trúc bài giảng được thiết kế có hệ thống và logic” (4.58). “GV có phương pháp truyền đạt nội dung học phần rõ ràng, dễ hiểu” (4.57);” GV giải đáp thắc mắc của SV về kiến thức của học phần đầy đủ, thỏa đáng”.(4.58)

2.2. Kết quả khảo sát

* Kết quả khảo sát theo Khoa và toàn trường

Nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên ở 11 Khoa, với 22 tiêu chí và 01 câu hỏi mở đánh giá cho 75 giảng viên tham gia giảng dạy vào học kỳ I năm học 2023-2024. Từ kết quả khảo sát đối sánh điểm đánh giá trung bình theo các tiêu chí của các Khoa và toàn trường, như sau:

Bảng 2: Đối sánh điểm đánh giá trung bình các tiêu chí của các Khoa và toàn trường

Tiêu chí	Kỹ thuật và CN	CT-TL-GD	NV&K HXH	KT-TC	N-H-TD	Ngoại ngữ	Giáo dục TH	CNT T	KTQ T	Toán &KH TN	GDM N	TBC Tiêu chí
1	4.51	4.73	4.70	4.52	4.55	4.65	4.62	4.50	4.66	4.76	5.0	4.65
2	4.52	4.69	4.71	4.51	4.54	4.51	4.79	4.52	4.65	4.76	5.0	4.65
3	4.54	4.68	4.72	4.50	4.54	4.61	4.60	4.54	4.62	4.75	5.0	4.65
4	4.50	4.61	4.57	4.49	4.46	4.59	4.28	4.51	4.63	4.69	5.0	4.58
5	4.52	4.58	4.62	4.31	4.50	4.61	4.44	4.50	4.64	4.63	5.0	4.58
6	4.40	4.60	4.55	4.41	4.57	4.48	4.49	4.41	4.57	4.58	5.0	4.55
7	4.45	4.57	4.55	4.47	4.61	4.62	4.24	4.50	4.59	4.67	5.0	4.57
8	4.45	4.57	4.52	4.44	4.63	4.60	4.26	4.46	4.66	4.59	5.0	4.56
9	4.42	4.50	4.57	4.33	4.60	4.55	4.37	4.17	4.58	4.62	5.0	4.52
10	4.44	4.61	4.62	4.46	4.61	4.68	4.53	4.48	4.61	4.69	5.0	4.61
11	4.45	4.61	4.57	4.41	4.61	4.51	4.51	4.49	4.63	4.60	5.0	4.58
12	4.44	4.53	4.52	4.36	4.63	4.50	4.53	4.43	4.62	4.62	5.0	4.56
13	4.51	4.71	4.70	4.53	4.69	4.73	4.70	4.52	4.67	4.69	5.0	4.68
14	4.51	4.71	4.67	4.34	4.68	4.64	4.51	4.54	4.64	4.69	5.0	4.63
15	4.51	4.64	4.61	4.33	4.68	4.65	4.53	4.50	4.62	4.67	5.0	4.61
16	4.54	4.59	4.57	4.46	4.72	4.63	4.48	4.44	4.62	4.67	5.0	4.61
17	4.50	4.63	4.66	4.34	4.65	4.67	4.57	4.49	4.53	4.74	5.0	4.62
18	4.50	4.68	4.68	4.43	4.70	4.68	4.45	4.48	4.51	4.73	5.0	4.62
19	4.52	4.74	4.72	4.58	4.73	4.71	4.75	4.56	4.65	4.78	5.0	4.70
20	4.52	4.78	4.70	4.54	4.75	4.75	4.75	4.54	4.71	4.74	5.0	4.71
21	4.55	4.66	4.61	4.53	4.73	4.74	4.55	4.49	4.69	4.74	5.0	4.66
22	4.54	4.69	4.69	4.53	4.74	4.75	4.63	4.55	4.70	4.78	5.0	4.69
TB	4.49	4.64	4.63	4.45	4.63	4.63	4.53	4.48	4.63	4.69	5.00	4.62

Qua bảng đối sánh ở trên ta thấy, điểm trung bình toàn trường cho tất cả các tiêu chí là 4.62, điểm trung bình các Khoa từ 4.45 đến 5.00. Trong đó Khoa GDMN có điểm đánh giá cao nhất, điểm trung bình của Khoa là 5.00. (Tuy nhiên mới chỉ khảo sát một giảng viên)

Khoa có điểm trung bình cao thứ hai là Khoa Toán và KHTN điểm TB là 4.69, chất lượng giảng dạy được sinh viên đánh giá tốt hơn so với các Khoa khác. Điểm trung bình các tiêu chí nằm trong khoảng 4.59 đến 4.78. Khoa được đánh giá cao ở 03 tiêu chí “GV có trang phục và phong cách lịch sự”. “GV thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy” và “GV có thái độ tôn trọng và ứng xử đúng mực với sinh viên”. (4.78)

Các khoa có điểm TBC thấp hơn so với TBC toàn trường là các Khoa: Kế toán – Tài chính; (4.45) Khoa Kỹ thuật Và Công nghệ (4.49); Khoa Giáo dục Tiểu học (4.53) và Khoa Công nghệ thông tin (4.48) Khoa có điểm TBC các tiêu chí thấp nhất là Khoa Kế toán -Tài chính (4.45); Trong đó các tiêu chí sinh viên đánh giá thấp nhất là “GV có sự liên hệ giữa lý thuyết về thực tiễn trong quá trình giảng dạy” (4.33)

***Tỷ lệ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên**

Bảng 3. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của các khoa

T T	Khoa chuyên môn	Số phiếu	TỔNG THEO LƯỢT					TỶ LỆ %						
			1	2	3	4	5	Không hài lòng		Tỷ lệ	Phân vân	Hài lòng trở lên		Tỷ lệ
4	KT&CN	76	88	0	8	338	1238	5.26%	0.00%	5.26%	0.48%	20.22%	74.04%	94.3%
2	CT-TL-GD	335	25	18	126	1676	5525	0.34%	0.24%	0.58%	1.71%	22.74%	74.97%	97.7%
9	NV&KHXH	225	9	16	98	1112	3715	0.18%	0.32%	0.51%	1.98%	22.46%	75.05%	97.5%
6	KT-TC	320	5	7	212	2979	3837	0.07%	0.10%	0.17%	3.01%	42.32%	54.50%	96.8%
7	N-H-TD	213	2	3	102	1190	3389	0.04%	0.06%	0.11%	2.18%	25.39%	72.32%	97.7%
8	NN	401	3	45	137	2369	6268	0.03%	0.51%	0.54%	1.55%	26.85%	71.05%	97.9%
3	GDTH	298	1	28	191	2020	4316	0.02%	0.43%	0.44%	2.91%	30.81%	65.83%	96.6%
1	CNTT	82	0	0	11	707	1086	0.00%	0.00%	0.00%	0.61%	39.19%	60.20%	99.4%
5	KTQT	212	0	11	138	1391	3124	0.00%	0.24%	0.24%	2.96%	29.82%	66.98%	96.8%
10	TOÁN &KHTN	230	0	6	72	1081	3901	0.00%	0.12%	0.12%	1.42%	21.36%	77.09%	98.5%
11	GDMN	53	0	0	0	0	1166	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	100.00%	100.0%
	TOÁN TRƯỜNG	2392	13 3	134	1095	14863	37565	0.25%	0.25%	0.50%	2.04%	27.63%	69.84%	97.5%

Qua bảng trên tỷ lệ hài lòng của sinh viên đối với các khoa có sự khác nhau. Trong đó tỷ lệ hài lòng chung của toàn trường là 97.5%. Không hài lòng toàn Trường là 0.5%.

Đối với các khoa: các khoa có tỷ lệ hài lòng trở lên cao hơn TBC toàn trường là các khoa: GDMN; Khoa Toán và KHTN; Ngoại ngữ; Khoa Nhạc – Họa – Thể dục; Khoa Chính trị - Tâm lý – Giáo dục. Khoa Toán và KHTN có tỷ lệ rất hài lòng cao nhất (77.09%), tỷ lệ hài lòng trở lên là 98.5%. Khoa có tỷ lệ rất hài lòng không cao nhưng tỷ

Qua bảng đối sánh ở trên ta thấy, điểm trung bình toàn trường cho tất cả các tiêu chí là 4.62, điểm trung bình các Khoa từ 4.45 đến 5.00. Trong đó Khoa GDMN có điểm đánh giá cao nhất, điểm trung bình của Khoa là 5.00. (Tuy nhiên mới chỉ khảo sát một giảng viên)

Khoa có điểm trung bình cao thứ hai là Khoa Toán và KHTN điểm TB là 4.69, chất lượng giảng dạy được sinh viên đánh giá tốt hơn so với các Khoa khác. Điểm trung bình các tiêu chí nằm trong khoảng 4.59 đến 4.78. Khoa được đánh giá cao ở 03 tiêu chí “GV có trang phục và phong cách lịch sự”, “GV thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy” và “GV có thái độ tôn trọng và ứng xử đúng mực với sinh viên”. (4.78)

Các khoa có điểm TBC thấp hơn so với TBC toàn trường là các Khoa: Kế toán – Tài chính; (4.45) Khoa Kỹ thuật Và Công nghệ (4.49); Khoa Giáo dục Tiểu học (4.53) và Khoa Công nghệ thông tin (4.48) Khoa có điểm TBC các tiêu chí thấp nhất là Khoa Kế toán -Tài chính (4.45); Trong đó các tiêu chí sinh viên đánh giá thấp nhất là “GV có sự liên hệ giữa lý thuyết về thực tiễn trong quá trình giảng dạy” (4.33)

***Tỷ lệ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên**

Bảng 3. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của các khoa

T T	Khoa chuyên môn	Số phiếu	TỔNG THEO LƯỢT					TỶ LỆ %						
			1	2	3	4	5	Không hài lòng		Tỷ lệ	Phân vấn	Hài lòng trở lên		Tỷ lệ
4	KT&CN	76	88	0	8	338	1238	5.26%	0.00%	5.26%	0.48%	20.22%	74.04%	94.3%
2	CT-TL-GD	335	25	18	126	1676	5525	0.34%	0.24%	0.58%	1.71%	22.74%	74.97%	97.7%
9	NV&KHXH	225	9	16	98	1112	3715	0.18%	0.32%	0.51%	1.98%	22.46%	75.05%	97.5%
6	KT-TC	320	5	7	212	2979	3837	0.07%	0.10%	0.17%	3.01%	42.32%	54.50%	96.8%
7	N-H-TD	213	2	3	102	1190	3389	0.04%	0.06%	0.11%	2.18%	25.39%	72.32%	97.7%
8	NN	401	3	45	137	2369	6268	0.03%	0.51%	0.54%	1.55%	26.85%	71.05%	97.9%
3	GDTH	298	1	28	191	2020	4316	0.02%	0.43%	0.44%	2.91%	30.81%	65.83%	96.6%
1	CNTT	82	0	0	11	707	1086	0.00%	0.00%	0.00%	0.61%	39.19%	60.20%	99.4%
5	KTQT	212	0	11	138	1391	3124	0.00%	0.24%	0.24%	2.96%	29.82%	66.98%	96.8%
10	TOÁN &KHTN	230	0	6	72	1081	3901	0.00%	0.12%	0.12%	1.42%	21.36%	77.09%	98.5%
11	GDMN	53	0	0	0	0	1166	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	100.00%	100.0%
	TOÁN TRƯỜNG	2392	13 3	134	1095	14863	37565	0.25%	0.25%	0.50%	2.04%	27.63%	69.84%	97.5%

Qua bảng trên tỷ lệ hài lòng của sinh viên đối với các khoa có sự khác nhau. Trong đó tỷ lệ hài lòng chung của toàn trường là 97.5%. Không hài lòng toàn Trường là 0.5%.

Đối với các khoa: các khoa có tỷ lệ hài lòng trở lên cao hơn TBC toàn trường là các khoa: GDMN; Khoa Toán và KHTN; Ngoại ngữ; Khoa Nhạc – Họa – Thể dục; Khoa Chính trị - Tâm lý – Giáo dục. Khoa Toán và KHTN có tỷ lệ rất hài lòng cao nhất (77.09%), tỷ lệ hài lòng trở lên là 98.5%. Khoa có tỷ lệ rất hài lòng không cao nhưng tỷ

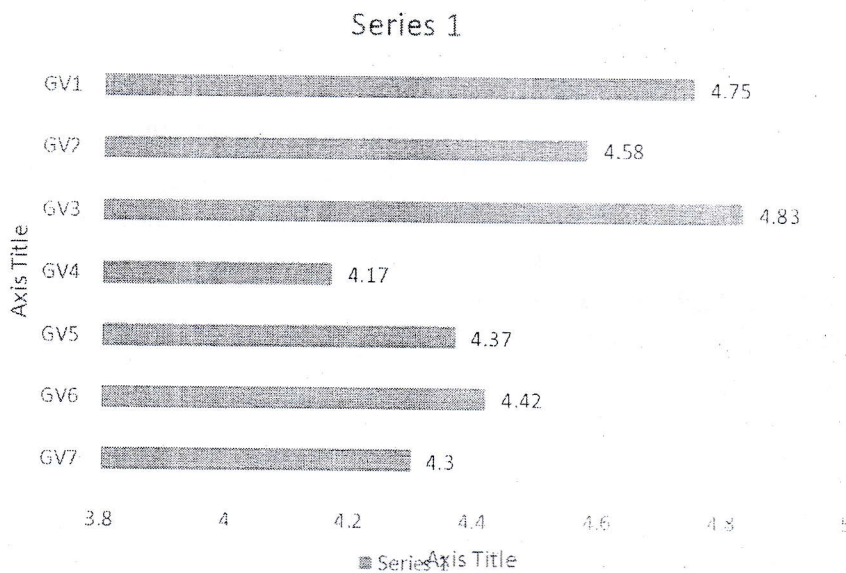
lệ hài lòng cao là Khoa CNTT (99.4%) Khoa có tỷ lệ hài lòng thấp nhất là khoa Kỹ thuật - Công nghệ (94.3%); Khoa có tỷ lệ không hài lòng cao nhất là Khoa Kỹ thuật – Công nghệ (5.25%). Khoa Chính trị - Tâm lý – Giáo dục (0.58%). Khoa Ngoại ngữ là 0.54%; Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội 0.51%. Khoa GDTH là 0.44%.

*** Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên trong từng Khoa:**

Dựa vào điểm trung bình các giảng viên so với giá trị trung bình thang đo Likert, tiến hành đối sánh điểm đánh giá trung bình của các giảng viên trong từng Khoa như sau:

1. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ:

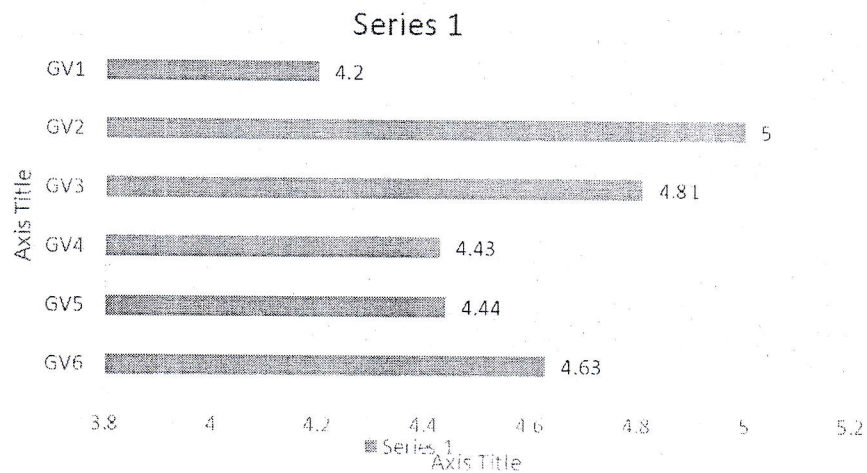
Sơ đồ 1: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Khoa Kỹ thuật Và Công nghệ.



Từ kết quả khảo sát ta thấy, 7 giảng viên đều được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy. Điểm trung bình các giảng viên từ 4.17 đến 4.83. Điểm trung bình của Khoa là 4.50. Trong đó có 4 giảng viên có điểm trung bình thấp so với điểm trung bình của Khoa, có 3 giảng viên cao hơn điểm trung bình của Khoa.

2. Khoa Chính trị - Tâm lý – Giáo dục:

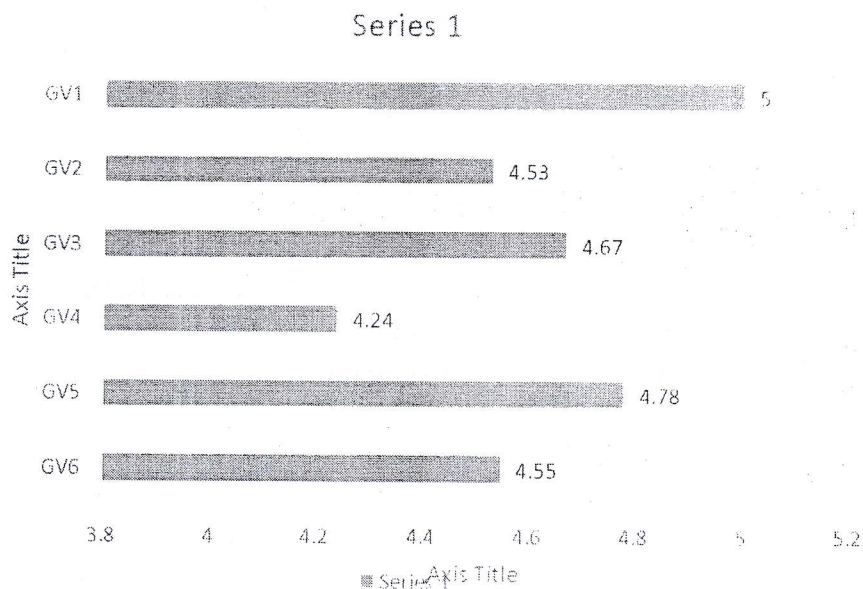
Sơ đồ 2: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Chính trị - Tâm lý – Giáo dục



Đối với Khoa Chính trị - Tâm lý – Giáo dục, sinh viên cũng đánh giá hài lòng đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, điểm trung bình các giảng viên từ 3.43 đến 5.00. Điểm trung bình của Khoa là 4.64. Trong đó, 2 giảng viên được đánh giá hài lòng tuyệt đối. Có 4 giảng viên thấp hơn điểm trung bình của Khoa và 3 giảng viên có điểm trung bình cao hơn điểm trung bình của Khoa.

3. Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội:

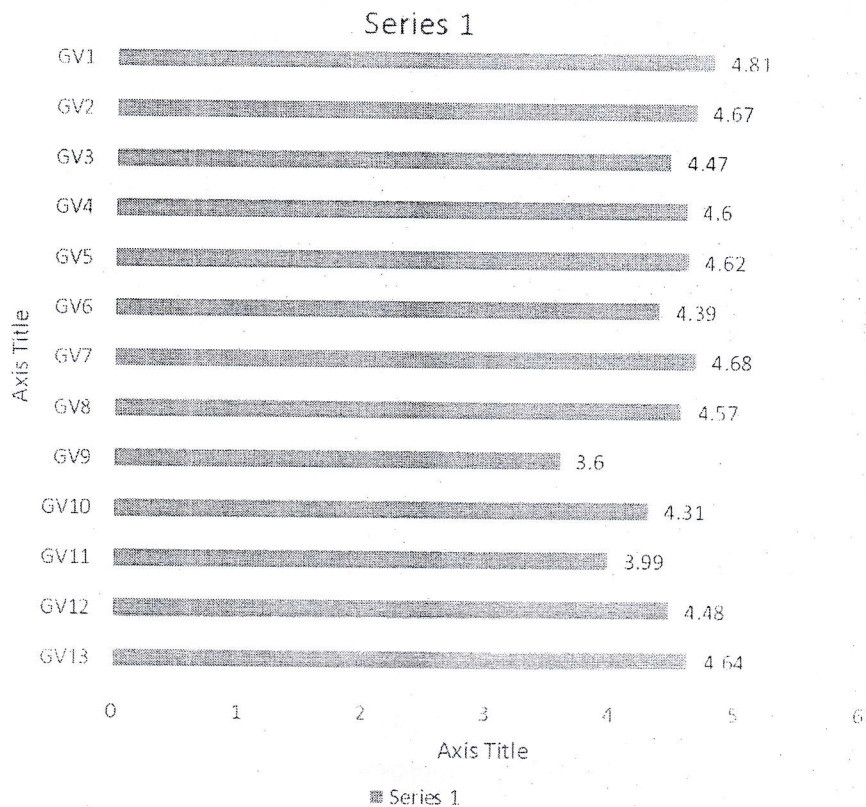
Sơ đồ 3: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội.



Qua sơ đồ trên cho thấy, so với giá trị thang đo Likert thì điểm trung bình các giảng viên nằm trong khoảng sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình các giảng viên từ 4.24 đến 5.0. Điểm trung bình của Khoa là 4.63. Trong đó, 3 giảng viên có kết quả đánh giá thấp hơn điểm đánh giá trung bình của Khoa. Có 1 giảng viên được đánh giá hài lòng tuyệt đối, 2 giảng viên có kết quả đánh giá cao hơn điểm đánh giá trung bình của Khoa.

4. Khoa Kế toán – Tài chính:

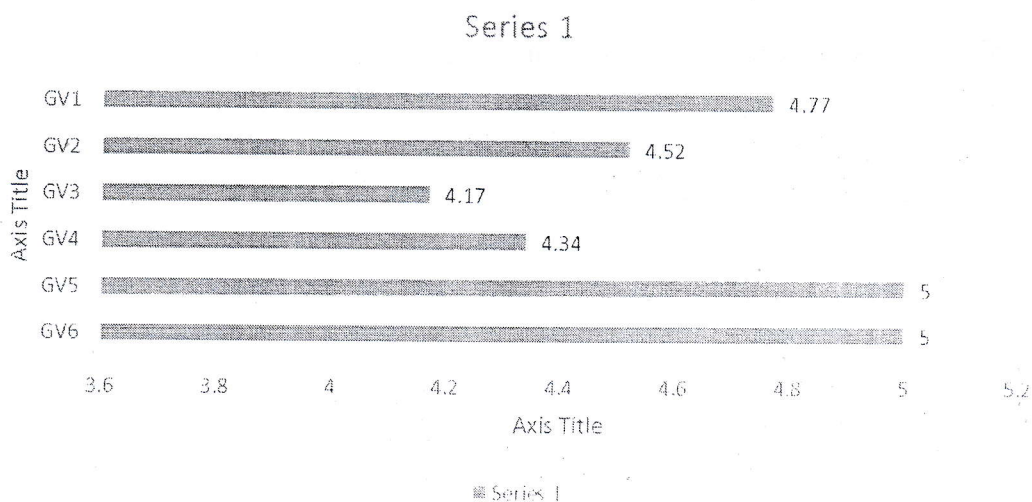
Sơ đồ 4: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Khoa Kế toán – Tài chính.



Kết quả cho thấy, 13 giảng viên của Khoa Kế toán – Tài chính đều được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình giảng viên từ 3.60 đến 4.81. Điểm trung bình của khoa là 4.45. So với điểm trung bình của Khoa, có 4 giảng viên có điểm trung bình thấp hơn và có 9 giảng viên có điểm trung bình cao hơn.

5. Khoa Nhạc - Họa – Thể dục

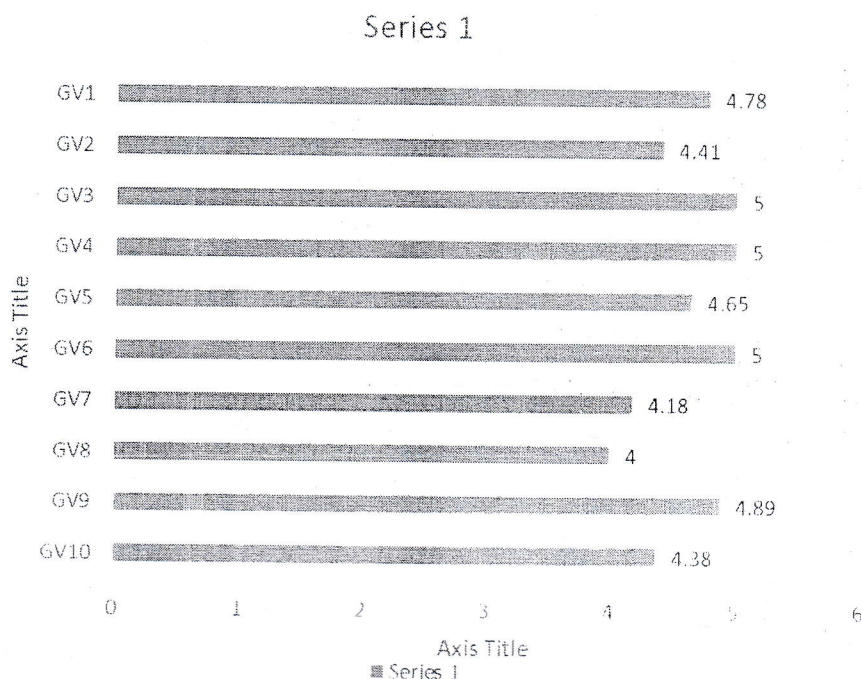
Sơ đồ 5: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Khoa Nhạc - Họa – Thể dục.



Kết quả cho thấy, 06 giảng viên của Khoa Nhạc - Họa – Thể dục đều được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình giảng viên từ 4.17 đến 5.00. Điểm trung bình của khoa là 4.73. So với điểm trung bình của Khoa, có 3 giảng viên có điểm trung bình thấp hơn và có 3 giảng viên có điểm trung bình cao hơn, trong đó có 02 giảng viên được sinh viên đánh giá hài lòng tuyệt đối.

6. Khoa Ngoại ngữ

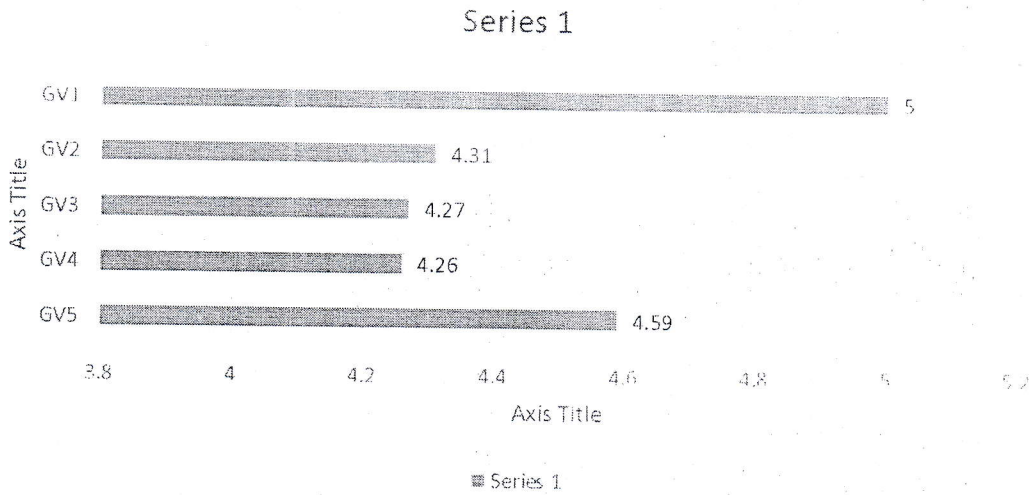
Sơ đồ 6: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Khoa Ngoại Ngữ



Kết quả cho thấy, 10 giảng viên của Khoa Ngoại Ngữ đều được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình giảng viên từ 4.00 đến 5.00. Điểm trung bình của khoa là 4.63. So với điểm trung bình của Khoa, có 4 giảng viên có điểm trung bình thấp hơn và có 6 giảng viên có điểm trung bình cao hơn. Trong đó có 3 giảng viên được đánh giá hài lòng tuyệt đối.

7. Khoa Công nghệ Thông tin

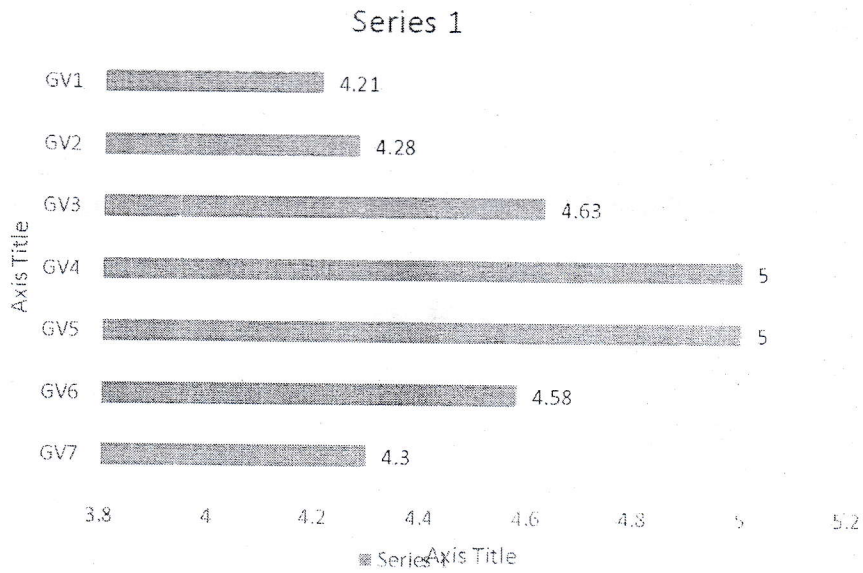
Sơ đồ 7: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Công nghệ Thông tin



Kết quả cho thấy, 5 giảng viên của Công nghệ Thông tin đều được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình giảng viên từ 4.31 đến 5.0. Điểm trung bình của khoa là 4.48. So với điểm trung bình của Khoa, có 3 giảng viên có điểm trung bình thấp hơn và có 2 giảng viên có điểm trung bình cao hơn. Trong đó có 01 giảng viên được đánh giá hài lòng tuyệt đối.

8. Khoa Kinh tế Quản trị

Sơ đồ 8: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Kinh tế Quản trị

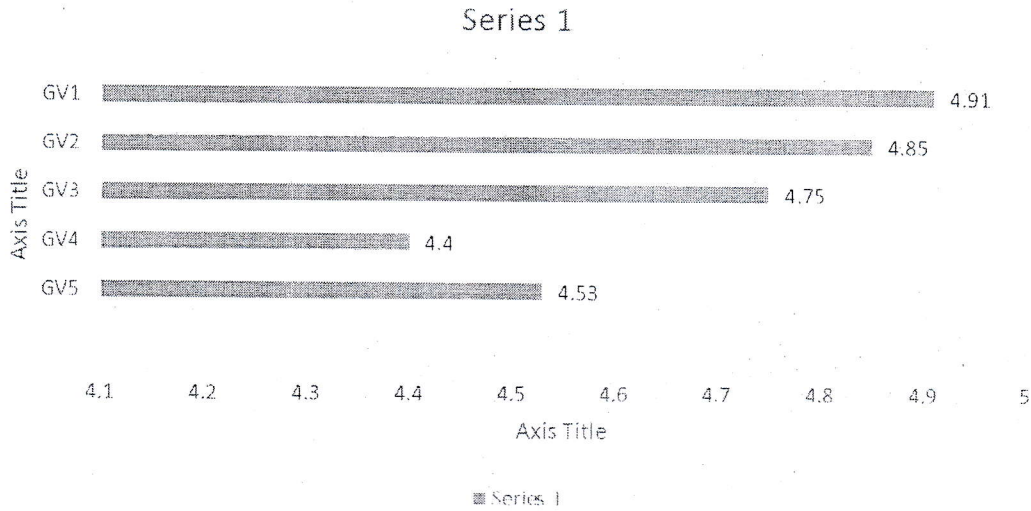


Kết quả cho thấy, 07 giảng viên của Kinh tế Quản trị đều được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình giảng viên từ 4.21 đến 5.00. Điểm trung bình của khoa là 4.63. So với điểm trung bình của Khoa, có 4 giảng viên có điểm

trung bình thấp hơn, có 1 giảng viên bằng và có 2 giảng viên có điểm trung bình cao hơn và được đánh giá hài lòng tuyệt đối.

9. Khoa Toán và KHTN

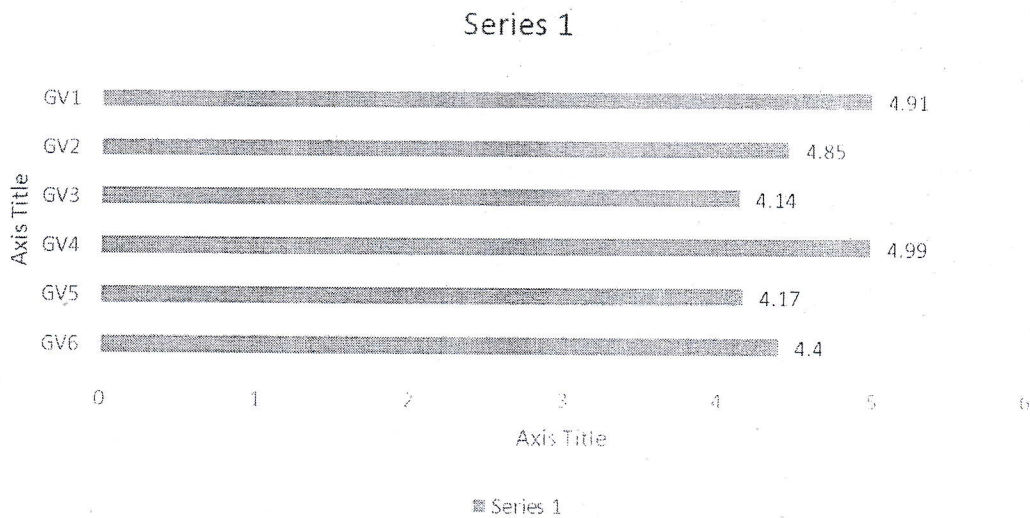
Sơ đồ 9: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Khoa Toán và Khoa tự nhiên



Kết quả cho thấy, 05 giảng viên của Khoa Toán và Khoa học tự nhiên đều được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình giảng viên từ 4.40 đến 4.91. Điểm trung bình của Khoa là 4.69. So với điểm trung bình của Khoa, có 2 giảng viên có điểm trung bình thấp hơn và có 3 giảng viên có điểm trung bình cao hơn.

10. Khoa Giáo dục Tiểu học

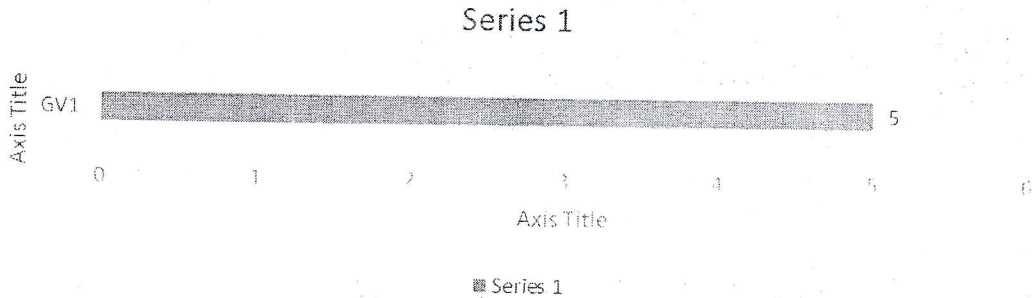
Sơ đồ 10: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Khoa Giáo dục Tiểu học



Kết quả cho thấy, 06 giảng viên của Khoa Giáo dục tiểu học đều được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình giảng viên từ 4.14 đến 4.99. Điểm trung bình của khoa là 4.53. So với điểm trung bình của Khoa, có 4 giảng viên có điểm trung bình thấp hơn và có 2 giảng viên có điểm trung bình cao hơn.

11. Khoa Giáo dục mầm non

So đồ 11: Kết quả đối sánh điểm trung bình của các giảng viên Khoa Giáo dục mầm non



Kết quả cho thấy, 01 giảng viên của Khoa Giáo dục mầm non được sinh viên đánh giá hài lòng về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình giảng viên đạt điểm tuyệt đối ở các tiêu chí (5).

3. Kết luận và đề xuất

3.1. Kết luận

Qua kết quả khảo sát của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I, năm học 2023-2024, có thể thấy tỷ lệ hài lòng của người học đối với giảng viên đạt 97.5% cao hơn so với ngưỡng chuẩn cơ sở giáo dục (Thông tư 01) là 70% trở lên; sinh viên đánh giá hài lòng ở tất cả các nội dung được khảo sát trong toàn trường. Điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 4.52 đến 4.71.

- Nhóm tiêu chí về "Tác phong sư phạm của giảng viên" Có 2 tiêu chí "GV thực hiện đầy đủ giờ lên lớp theo đúng kế hoạch giảng dạy" (4.70) "GV có trang phục và phong cách lịch sự" được đánh giá cao nhất (4.71). Điều này cho thấy sinh viên hài lòng về tác phong và thái độ làm việc của giảng viên.

Nhóm các tiêu chí thuộc Phương pháp giảng dạy và thông tin môn học, hướng dẫn sinh viên tự học là các tiêu chí được đánh giá thấp nhất trong 22 tiêu chí đánh giá cụ thể là các tiêu chí "GV giúp tăng khả năng làm việc nhóm cho SV" (4.52), "GV có biện pháp phát huy sự chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề của SV" (4.63); "GV khuyến khích SV sáng tạo và có tư duy độc lập." (4.63); "GV hướng dẫn phương pháp tự học và hướng dẫn nghiên cứu tài liệu". (4.64). "GV có biện pháp phát huy sự chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề của SV" (4.56); "GV khuyến khích SV sáng tạo và có tư duy độc lập." (4.55); "GV hướng dẫn phương pháp tự học và hướng dẫn nghiên cứu tài liệu". (4.58). "Cấu trúc bài giảng được thiết kế có hệ thống và logic" (4.58). "GV có phương pháp truyền đạt nội dung học phần rõ ràng, dễ hiểu" (4.57); "GV giải đáp thắc mắc của SV về kiến thức của học phần đầy đủ, thỏa đáng". (4.58). Trong thời gian tới các giảng viên trong trường cần cải tiến hơn nữa chất lượng giảng dạy đối với các tiêu chí này.

- Chất lượng giảng dạy của 01 giảng viên khoa Giáo dục mầm non được sinh viên đánh giá hài lòng tuyệt đối (5).

3.2. Đề xuất

Dựa trên những kết quả và ý kiến trong quá trình khảo sát của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2023-2024, Nhà trường có thể tham khảo một số giải pháp để càng ngày càng cải thiện hơn về chất lượng giảng dạy như sau:

- Lãnh đạo Khoa quán triệt đến sinh viên về tầm quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Tổ chức các Hội thảo nhằm khắc phục các tiêu chí chưa được đánh giá cao thuộc nhóm các tiêu chí Phương pháp giảng dạy; Thông tin môn học như “Cấu trúc bài giảng được thiết kế có hệ thống và logic ; “GV hướng dẫn phương pháp tự học và hướng dẫn nghiên cứu tài liệu”; “GV khuyến khích SV sáng tạo và có tư duy độc lập”. “GV quan tâm khuyến khích và hướng dẫn SV rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp” (4.56)

Hội thảo về phương pháp giảng dạy đặc biệt khắc phục các tiêu chí “GV giúp tăng khả năng làm việc nhóm cho SV (4.52). Đây là tiêu chí sinh viên đánh giá thấp nhất đối với giảng viên và khắc phục các tiêu chí “GV có biện pháp phát huy sự chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề của SV” (4.56) “GV có phương pháp truyền đạt nội dung học phần rõ ràng, dễ hiểu” (4.57) và “GV giải đáp thắc mắc của SV về kiến thức của học phần đầy đủ, thỏa đáng” (4.58).”GV quan tâm khuyến khích và hướng dẫn SV rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp. (4.56)

- Tăng cường công tác rà soát và cập nhật đề cương các học phần trong chương trình đào tạo, thống nhất các nội dung giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá, chuẩn đầu ra học phần giữa các giảng viên giảng dạy cùng một học phần.

- Nhà trường cần đầu tư trang thiết bị và hệ thống thông tin để giảng viên có thể cập nhật toàn bộ nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần cho sinh viên, sử dụng các phương tiện hiện đại và đa dạng hình thức tổ chức quá trình giảng dạy để chất lượng giảng dạy ngày càng tốt hơn.

- Khoa/Bộ môn và giảng viên tiếp tục công tác cập nhật nội dung bài giảng, đặc biệt là kiến thức thực tế; thiết kế bài giảng phù hợp; công khai đề cương môn học, hình thức kiểm tra, đánh giá cũng như kế hoạch giảng dạy học phần tới sinh viên ngay từ đầu thực hiện kế hoạch giảng dạy. *đ*

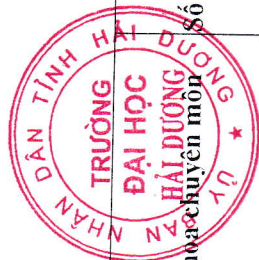
Nơi nhận:

- Hội đồng Trường (Đề b/c)
- Hiệu trưởng và các Phó HT ((Đề b/c)
- Các Khoa;
- Lưu VT; BĐCLTT (02)

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thị Hồng Gấm

Phụ lục:



STT	Khoa	Số phiếu	phiếu x22 câu	TỔNG THEO LUẬT					TỶ LỆ %						
				1	2	3	4	5	Không đồng ý	Tỷ lệ	Phân vân	Đồng ý	Tỷ lệ		
4	KHOA KT&CN	76	1672	88	0	8	338	1238	5.26%	0.00%	5.26%	0.48%	20.22%	74.04%	94.3%
2	KHOA CT-TL-GD	335	7370	25	18	126	1676	5525	0.34%	0.24%	0.58%	1.71%	22.74%	74.97%	97.7%
9	KHOA NV&KHXH	225	4950	9	16	98	1112	3715	0.18%	0.32%	0.51%	1.98%	22.46%	75.05%	97.5%
6	KHOA KTTC	320	7040	5	7	212	2979	3837	0.07%	0.10%	0.17%	3.01%	42.32%	54.50%	96.8%
7	KHOA N-H-TD	213	4686	2	3	102	1190	3389	0.04%	0.06%	0.11%	2.18%	25.39%	72.32%	97.7%
8	KHOA NN	401	8822	3	45	137	2369	6268	0.03%	0.51%	0.54%	1.55%	26.85%	71.05%	97.9%
3	KHOA GDTH	298	6556	1	28	191	2020	4316	0.02%	0.43%	0.44%	2.91%	30.81%	65.83%	96.6%
1	KHOA CNTT	82	1804	0	0	11	707	1086	0.00%	0.00%	0.00%	0.61%	39.19%	60.20%	99.4%
5	KHOA KTQT	212	4664	0	11	138	1391	3124	0.00%	0.24%	0.24%	2.96%	29.82%	66.98%	96.8%
10	KHOA TOÁN & KHTN	230	5060	0	6	72	1081	3901	0.00%	0.12%	0.12%	1.42%	21.36%	77.09%	98.5%
11	KHOA GDMN	53	1166	0	0	0	0	1166	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	100.00%	100.00%	100.0%
	TỔNG TOÀN TRƯỞNG	2392	53790	133	134	1095	14863	37565	0.25%	0.25%	0.50%	2.04%	27.63%	69.84%	97.5%